

HOÀN THIÊN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CẠNH TRANH CỦA CÁC TỔ CHỨC CÓ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ NHÌN TỪ GÓC ĐỘ NHỮNG BẮT CẬP VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA

*Viên Thế Giang**

Cùng với sự phát triển của các quan hệ xã hội, các quy định pháp luật cũng phải có những thay đổi cho phù hợp với những biến động đó. Trong những năm gần đây, thị trường tài chính tiền tệ của nước ta đã có những bước phát triển vượt bậc, khẳng định được vị trí, vai trò của mình trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhất là khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên 150 của WTO.

Các chuyên gia tài chính ngân hàng đều thống nhất rằng, cạnh tranh của các tổ chức có hoạt động ngân hàng sẽ ngày càng gay gắt hơn tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn nếu hoạt động cạnh tranh của các tổ chức này không được kiểm soát bằng một khuôn khổ pháp lý đủ mạnh và có tính hiệu quả thi hành cao. *Yêu cầu của các quy định pháp luật ngân hàng là phải bảo đảm được môi trường pháp lý cạnh tranh bình đẳng giữa các chủ thể hoạt động ngân hàng, sự quản lý nhà nước để phát triển nhanh và bền vững.* Tuy nhiên, pháp luật cạnh tranh¹ của nước ta đã phát huy được vai trò của nó trong việc điều tiết hoạt động cạnh tranh, nhưng đối với lĩnh vực tài chính ngân hàng thì vẫn còn cần phải tiếp tục nghiên cứu để bảo đảm cho hoạt động cạnh tranh của các tổ chức có hoạt động ngân hàng vừa bảo đảm các yêu cầu chung, vừa bảo đảm được các nhân tố mang tính đặc thù, là hoạt động kinh doanh nhạy cảm.

1. Những bắt cập trọng các quy định về cạnh tranh của các tổ chức có hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành

* Giảng viên Học viện Ngân hàng - Phân viện Phú Yên

¹ Pháp luật Cạnh tranh ở đây được hiểu là Luật Cạnh tranh 2004 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này.

Trước khi có Luật Cạnh tranh năm 2004, các quy định pháp luật cạnh tranh nằm rải rác, tản mạn trong rất nhiều văn bản pháp luật theo từng lĩnh vực, từng ngành nghề nhất định, như Điều 8, Điều 9 Luật Thương mại 1997, Pháp lệnh Quảng cáo... Nằm trong bối cảnh chung đó, Luật các Tổ chức tín dụng (TCTD) cũng dành Điều 16 quy định về hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng. Quy định này là một bước tiến bộ mới tạo thêm động lực cho các TCTD hoạt động ngày càng có hiệu quả hơn.

Qua gần 10 năm thi hành Luật này chúng ta thấy, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng không có bất cứ quy định nào hướng dẫn thi hành hoạt động cạnh tranh của các tổ chức có hoạt động ngân hàng, mà nó mới dừng lại ở các quy định hướng dẫn xếp hạng TCTD trong hoạt động². Tuy nhiên, theo đánh giá của chúng tôi, các tiêu chí đó không đánh giá được tất cả các vấn đề quan trọng của hoạt động cạnh tranh của các TCTD, nó mới chỉ dừng lại ở việc xem xét,

² Xem:- Thông tư số 49/2004/TT-BTC ngày 3/6/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động tài chính của các TCTD nhà nước. Theo Thông tư này, việc đánh giá kết quả hoạt động tài chính của các TCTD nhà nước dựa vào các tiêu chí: i) Nhóm chỉ tiêu hoạt động chung (tốc độ tăng vốn, tốc độ tăng đầu tư, tỷ lệ khả năng sinh lời); ii) Nhóm chỉ tiêu an toàn sử dụng vốn (tỷ lệ nợ quá hạn); iii) Nhóm chỉ tiêu về lợi nhuận (lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận trên vốn).

- Quyết định 400/2004/QĐ-NHNN ngày 16/4/2004 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành quy định về xếp loại các ngân hàng thương mại cổ phần của Nhà nước và nhân dân. Theo quyết định này, việc xếp loại các ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước và nhân dân dựa vào các tiêu chí: 1. Vốn tự có; 2. Chất lượng hoạt động; 3. Quản trị, kiểm soát, điều hành; 4. Kết quả kinh doanh; 5. Khả năng thanh khoản.

đánh giá chất lượng hoạt động của các TCTD. Chính vì vậy, *khi nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hoạt động cạnh tranh của các TCTD thiết nghĩ cũng cần xem xét nó ở cả hai khía cạnh là các hành vi cạnh tranh không lành mạnh và các hành vi hạn chế cạnh tranh.* Nghiên cứu quy định của Điều 16 Luật các TCTD trong mối tương quan với các quy định của pháp luật cạnh tranh và các cam kết quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng, chúng tôi thấy, các quy định pháp luật về cạnh tranh của các tổ chức có hoạt động ngân hàng còn có những bất cập sau:

Một là, các quy định về cạnh tranh của các tổ chức có hoạt động ngân hàng được xây dựng trong thời kỳ chúng ta mới bước đầu chuyển sang nền kinh tế thị trường, các quy định đó mang tính “phòng ngừa”, “quản lý” là chính, nên các quy định pháp luật về cạnh tranh ngân hàng không đạt được hiệu quả cao.

Trong thời kỳ này, các yếu tố của nền kinh tế thị trường chưa được hình thành một cách đồng bộ. Hoạt động kinh doanh ngân hàng khi đó vẫn còn được quan niệm là ngành kinh doanh độc quyền của Nhà nước và các ngân hàng thương mại (NHTM) nhà nước còn phải gánh vác rất nhiều các “trọng trách xã hội” mà Nhà nước giao cho. Các quy định pháp luật đã dành rất nhiều điều luật quy định về chính sách tín dụng đối với từng loại hình doanh nghiệp và các đối tượng đặc biệt³. Nói một cách khác, khi xây dựng Luật các TCTD năm 1997 chúng ta cũng chưa phân tách được tín dụng chính sách và tín dụng thương mại. Người ta vẫn có cảm giác các quy định của Luật các TCTD 1997 là dành cho các NHTM nhà nước hơn là dành cho các chủ thể kinh doanh ngân hàng. Luật khi đó mới dừng lại ở việc buộc các TCTD phải “hợp tác và cạnh tranh”, và liệt kê các hành vi cạnh tranh bất hợp pháp hơn là quy định các tiêu chí để xác định các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, Luật quy định về cạnh tranh bất hợp pháp, nhưng lại vẫn dành vị trí “độc quyền”

và các ưu đãi cho các NHTM nhà nước... Do vậy, ở thời kỳ này, các quy định pháp luật về cạnh tranh mang tính hình thức, chung chung và không có tính khả thi.

Khi Luật các TCTD được sửa đổi bổ sung năm 2004, Luật đã phân biệt tín dụng thương mại và tín dụng chính sách, theo đó, tín dụng chính sách đã được chuyển giao cho Ngân hàng chính sách xã hội, còn các tổ chức khác thì hoạt động kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận. Luật sửa đổi cũng đã bãi bỏ các quy định về chính sách tín dụng đối với từng loại hình doanh nghiệp. Kể từ đây, các TCTD phải hoạt động theo quy luật của thị trường, phải cạnh tranh với nhau để tồn tại và phát triển, nên các quy định về cạnh tranh tại Điều 16 không đủ để bao quát về cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng, trong khi đó các quy định của pháp luật cạnh tranh lại khó có thể áp dụng trực tiếp đối với các hoạt động cạnh tranh của các TCTD.

Hai là, định hướng chính sách tiền tệ và tín dụng trong phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2006-2010 Đảng ta khẳng định: Thực hiện mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng theo lộ trình hội nhập quốc tế, bảo đảm quyền kinh doanh của các ngân hàng và các tổ chức tài chính nước ngoài trong lĩnh vực ngân hàng phù hợp với các cam kết quốc tế của nước ta. Hình thành môi trường pháp luật về tiền tệ, tín dụng minh bạch và công khai. Loại bỏ các hình thức bảo hộ, bao cấp, ưu đãi và phân biệt đối xử giữa các TCTD⁴.

Các cam kết của nước ta đối với lĩnh vực ngân hàng thể hiện ở các nội dung: i) cam kết về ngoại hối và thanh toán; ii) cam kết về chính sách thương mại dịch vụ liên quan đến ngân hàng; iii) những sản phẩm dịch vụ được phép cung cấp; iv) lộ trình cung cấp các sản phẩm dịch vụ. Luật các TCTD cần phải được hoàn thiện theo hướng đáp ứng các yêu cầu và lộ trình mở cửa lĩnh vực ngân hàng bảo đảm sự đối xử công bằng của Nhà nước đối với các chủ thể kinh doanh ngân hàng.

³ Xem thêm các Điều 6,7,8,9,10 Luật các TCTD 1997. Các điều này đã được bãi bỏ theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật các TCTD ngày 16/05/2004.

⁴ Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 247-250.

Thực hiện các cam kết đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định 22/2006/NĐ-CP về hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định số 69/2007/NĐ-CP ngày 20/04/2007 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của các ngân hàng thương mại Việt Nam, Quyết định số 24/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quy chế cấp phép thành lập ngân hàng thương mại cổ phần. Đây là quy chế rất được mong đợi, giúp giải quyết nhu cầu thành lập ngân hàng đang rất lớn hiện nay. Tuy nhiên, khi xem xét các quy định về gia nhập thị trường của Nghị định 22/2006/NĐ-CP so với quy chế thành lập của các TCTD cũng còn nhiều điểm khác biệt. Để bảo đảm đối xử công bằng giữa các chủ thể kinh doanh ngân hàng thì Luật các TCTD cần phải được sửa đổi toàn diện. Pháp Luật Cạnh tranh của các TCTD phải bảo đảm được định hướng phát triển ngành, phản ánh được mức độ phát triển của thị trường tài chính tiền tệ nước ta.

Sự thay đổi trong nhận thức chiến lược phát triển ngành, yêu cầu triển khai các cam kết quốc tế, các quy định pháp luật về cạnh tranh của các TCTD khó có thể thực hiện được tốt vai trò của mình, mà cần có sự thay đổi cho phù hợp.

Ba là, các hành vi “cạnh tranh bất hợp pháp” theo quy định của điều luật này còn thiếu và chưa phù hợp với Luật Cạnh tranh. Khác với Luật Cạnh tranh các nước, Luật Cạnh tranh của nước ta quy định cả hai nội dung là hành vi hạn chế cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh.

Hành vi hạn chế cạnh tranh là hành vi của doanh nghiệp làm giảm, sai lệch, cản trở cạnh tranh trên thị trường bao gồm hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền và tập trung kinh tế. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi cạnh tranh của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước,

quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng.

Điều 16 Luật các TCTD quy định:

- i) Các tổ chức hoạt động ngân hàng được hợp tác và cạnh tranh hợp pháp;
- ii) Nghiêm cấm các hành vi cạnh tranh bất hợp pháp, gây tổn hại đến việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, an toàn hệ thống các TCTD và lợi ích hợp pháp của các bên;
- iii) Các hành vi cạnh tranh bất hợp pháp bao gồm:
 - Khuyến mại bất hợp pháp;
 - Thông tin sai sự thật làm tổn hại lợi ích của TCTD khác và của khách hàng;
 - Đầu cơ lũng đoạn thị trường tiền tệ, vàng, ngoại tệ;
 - Các hành vi cạnh tranh bất hợp pháp khác.

Trong khi đó chúng ta tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò của các NHTM nhà nước giữ vị trí chủ đạo trên thị trường tài chính vô hình chung đã tạo nên *vị trí khác biệt* giữa NHTM nhà nước với các NHTM cổ phần, các TCTD có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động trên thị trường nước ta. Nói một cách khác đi, pháp luật điều chỉnh hoạt động cạnh tranh của các tổ chức có hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật các TCTD chưa đi vào thực chất, vẫn còn chịu sự chi phối khá lớn từ phía các cơ quan công quyền.

Bốn là, các quy định pháp luật hiện hành chưa có được các tiêu chí đánh giá hành vi cạnh tranh không lành mạnh và vấn đề kiểm soát độc quyền. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, các hoạt động cạnh tranh của các chủ thể diễn ra ngày càng đa dạng, với nhiều biến thái tinh vi mà nếu không được kiểm soát chặt chẽ thì nó có thể gây hại rất lớn cho xã hội.

Luật Cạnh tranh 2004 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này đã có quy định rất cụ thể về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, cũng như các tiêu chí xác định cụ thể đối với từng hành vi. Tuy nhiên, việc áp dụng các quy định này vào lĩnh vực ngân hàng thì còn nhiều khó khăn, ví dụ như vấn đề bảo mật thông tin khách hàng với việc cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý cạnh tranh; vấn đề Hiệp hội Ngân hàng ấn định

mức lãi suất cho các thành viên với vấn đề ép buộc trong kinh doanh...

Thực tế thời gian qua cho thấy, việc “bắt tay” giữa các NHTM cổ phần trong nước với các nhà đầu tư nước ngoài diễn ra phổ biến⁵. Điều này yêu cầu phải xác định được các tiêu chí làm dung vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền để cạnh tranh không lành mạnh hoặc chi phối hoạt động của các TCTD trên thị trường thông qua tiếng nói của nhà đầu tư nước ngoài tại các TCTD mà nhà đầu tư mua cổ phần. Vì các quy định về mua cổ phần tại các NHTM cũng chỉ khống chế ở mức không quá 30% đối với một TCTD, nhưng cũng không khống chế nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần ở tối đa bao nhiêu TCTD.

Năm là, quan niệm về dịch vụ ngân hàng khi gia nhập WTO rộng hơn so với quy định của Luật các TCTD, điều này cũng cần được xem xét khi xây dựng các quy định pháp luật về cạnh tranh của các TCTD⁶. Theo quy định của Luật các TCTD 1997 (sửa đổi 2004) hoạt động ngân hàng được hiểu là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi, sử dụng số tiền này để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán. Trong khi đó, các cam kết quốc tế về những sản phẩm, dịch vụ ngân hàng bao gồm:

- a) Nhận tiền gửi và các khoản phải trả khác từ công chúng;
- b) Cho vay dưới tất cả các hình thức, bao gồm tín dụng tiêu dùng, tín dụng cầm cố thế chấp, bao thanh toán và tài trợ giao dịch thương mại;
- c) Thuê mua tài chính;
- d) Mọi dịch vụ thanh toán và chuyển tiền, bao gồm thẻ tín dụng, thẻ thanh toán và thẻ nợ, séc du lịch và hối phiếu ngân hàng;
- e) Bảo lãnh cam kết;

f) Kinh doanh trên tài khoản của mình hoặc của khách hàng tại sở giao dịch, trên thị trường giao dịch thoả thuận hoặc bằng cách khác như dưới đây:

- Công cụ thị trường tiền tệ (bao gồm séc, hối phiếu, chứng chỉ tiền gửi);
- Ngoại hối;
- Các công cụ tỷ giá và lãi suất, bao gồm các sản phẩm như hợp đồng hoán đổi, hợp đồng kỳ hạn;
- Vàng nén.

h) Môi giới tiền tệ;

i) Quản lý tài sản, như quản lý tiền mặt hoặc danh mục đầu tư, mọi hình thức quản lý đầu tư tập thể, quản lý quỹ hưu trí, các dịch vụ lưu ký và tín thác;

j) Các dịch vụ thanh toán bù trừ tài sản tài chính, bao gồm chứng khoán, các sản phẩm phái sinh và các công cụ chuyển nhượng khác;

k) Cung cấp và chuyển giao thông tin tài chính và xử lý dữ liệu tài chính và phần mềm liên quan của các nhà cung cấp dịch vụ tài chính khác;

l) Các dịch vụ tư vấn, trung gian môi giới và các dịch vụ tài chính phụ trợ khác đối với tất cả các hoạt động được nêu từ (a) đến (k), kể cả tham chiếu và phân tích tín dụng, nghiên cứu và tư vấn đầu tư và danh mục đầu tư, tư vấn về mua lại và về tái cơ cấu và chiến lược doanh nghiệp.

Theo đánh giá của một nghiên cứu của tổ chức phát triển Liên hợp quốc UNDP cho biết 45% khách hàng là doanh nghiệp và cá nhân sẽ chuyển sang vay vốn của ngân hàng nước ngoài; 50% chọn dịch vụ ngân hàng nước ngoài thay thế và 50% còn lại sẽ chọn ngân hàng nước ngoài để gửi tiền, đặc biệt là ngoại tệ. Các TCTD trong nước mới chỉ dừng lại ở các hoạt động truyền thống mà chưa có điều kiện mở rộng ra các dịch vụ ngân hàng mới. Với kinh nghiệm hoạt động của mình, các TCTD nước ngoài sẽ vượt xa các TCTD trong nước về các dịch vụ ngân hàng mới. Do vậy, cần nhanh chóng luật hoá các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới, cũng như cần có các quy định để quản lý được hoạt động cạnh tranh giữa các TCTD trong việc cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới.

⁵ Xem thêm Nguyễn Đức “Nhìn lại hợp tác giữa ngân hàng trong nước và nước ngoài” có thể tải về từ địa chỉ: http://www.vneconomy.vn/?home=detail&page=category&cat_name=0606&id=3f11b8894d827f

⁶ Có thể xem thêm quan niệm của các nước về dịch vụ ngân hàng trong cuốn “Pháp luật về ngân hàng trung ương và ngân hàng thương mại một số nước”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.

2. Các yêu cầu của việc hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh của các tổ chức có hoạt động ngân hàng trong giai đoạn hiện nay

Với quan điểm *cạnh tranh không những là môi trường và động lực của sự phát triển nói chung, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, hiệu quả của các doanh nghiệp nói riêng mà còn là yếu tố quan trọng làm lành mạnh các quan hệ xã hội* thì hoàn thiện pháp luật cạnh tranh điều chỉnh hoạt động của các TCTD là rất cần thiết. Hoàn thiện các quy định pháp luật về cạnh tranh của các tổ chức có hoạt động ngân hàng phải bảo đảm những yêu cầu nhất định. **Các yêu cầu đó là:**

Thứ nhất, phải bảo đảm thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội như tăng trưởng kinh tế, kiềm chế lạm phát, giải quyết việc làm... góp phần thực hiện tốt chính sách tiền tệ quốc gia. Mục tiêu chung nhất khi chúng ta hội nhập là để bảo đảm cho nền kinh tế nước ta tăng trưởng ngày càng tốt hơn, góp phần vào nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Diễn biến thị trường nước ta trong vài năm trở lại đây luôn phải đối mặt với nguy cơ lạm phát, các NHTM cũng đua nhau đẩy lãi suất huy động lên cao đã dẫn đến các chi phí của doanh nghiệp tăng lên, nếu tình trạng trên không được giải quyết triệt để thì các mục tiêu phát triển khó có thể đạt được.

Thứ hai, bảo đảm an ninh cho nền kinh tế, tránh xảy ra các cuộc khủng hoảng ngân hàng, bởi lẽ, ngân hàng được coi là doanh nghiệp nhạy cảm với những biến động của nền kinh tế. Lãi suất cho vay của các TCTD ngày càng cao đã buộc các doanh nghiệp huy động vốn qua thị trường chứng khoán (TTCK). Huy động vốn qua TTCK sẽ giúp các doanh nghiệp giảm thiểu được hai rủi ro là rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản. Sự phát triển của TTCK Việt Nam đã tác động đến việc huy động vốn của các TCTD. Trong một cuộc họp báo, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã khẳng định: so với cùng kỳ năm 2006, hiện số tiền gửi huy động của các tổ chức kinh tế và dân sự đều tăng, nhưng mức tăng tiền gửi huy động chỉ bằng một nửa năm ngoái. Điều đó chứng tỏ những người có tiền gửi tiết kiệm đang đầu tư vào

cái khác, mà phần lớn là dành cho chứng khoán. Để bảo đảm nguồn vốn hoạt động, các TCTD cũng buộc phải huy động vốn từ TTCK, song cũng phải chịu sự tác động của thị trường này. Để tránh xảy ra các rủi ro cho hoạt động cần:

- Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hoá các NHTM nhà nước;

- Tăng các dịch vụ tiện ích đi kèm với tiền gửi, như tiết kiệm dự thưởng;

- Các TCTD chủ động xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo, hệ thống quản lý rủi ro và phân tích thị trường;

- Ngân hàng Nhà nước tăng cường các hoạt động quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

Thứ ba, thể chế hoá quan điểm của Đảng về xây dựng thị trường tài chính tiền tệ, tuân theo quy luật của thị trường; thực thi tốt các cam kết quốc tế về dịch vụ ngân hàng. Cần nhanh chóng luật hoá các quan điểm của Đảng về phát triển thị trường ngân hàng. Việc luật hoá này cần căn cứ vào quy luật của nền kinh tế thị trường, giảm thiểu các biện pháp can thiệp hành chính. Đồng thời với việc thể chế hoá quan điểm của Đảng, thì các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như từng TCTD chủ động đề ra các biện pháp, chiến lược thực thi các cam kết quốc tế. Trong môi trường hoạt động chung đó, nếu các TCTD trong nước thụ động thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Thứ tư, bảo đảm đối xử công bằng giữa các nhà đầu tư kinh doanh ngân hàng; tôn trọng quyền tự do kinh doanh, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các TCTD, tránh những can thiệp bằng các biện pháp hành chính không cần thiết vào hoạt động của các TCTD. Theo cam kết thì các TCTD nước ngoài được hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức văn phòng đại diện, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh hoặc ngân hàng 100% vốn nước ngoài; công ty tài chính liên doanh, hoặc công ty tài chính 100% vốn nước ngoài; công ty cho thuê tài chính liên doanh, hoặc công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài. Đóng góp của bên nước ngoài vào một ngân hàng liên doanh hoạt động với

tư cách một ngân hàng thương mại không được vượt quá 50% vốn điều lệ của ngân hàng, trong khi đó, phần vốn góp của bên nước ngoài vào một tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh cần phải đạt ít nhất là 30% vốn điều lệ. Tổng mức cổ phần của các tổ chức và cá nhân nước ngoài có thể được giới hạn ở mức 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép. Kể từ ngày 01/04/2007 các TCTD nước ngoài được thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam, với các ràng buộc về vốn.

Với cam kết trên, pháp luật ngân hàng nước ta phải có sự thay đổi một cách căn bản. Các thay đổi đó cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Thống nhất trình tự thủ tục xin cấp phép thành lập và đăng kí kinh doanh đối với mọi loại hình tổ chức tín dụng;
- Hạn chế các thay đổi phải xin phép Ngân hàng Nhà nước, mà thay vào đó là việc

thay đổi đó các TCTD phải báo lại cho Ngân hàng Nhà nước;

- Nâng cao tính độc lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các TCTD trong hoạt động...

Thứ năm, bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả của các quy định pháp luật cạnh tranh trong thực tiễn. Kết quả của quá trình lập pháp là các quy phạm pháp luật đó điều chỉnh được các quan hệ xã hội theo đúng định hướng của nhà nước, tránh các quy định của “luật khung”, chung chung, không có tính khả thi. Trong Luật các TCTD cũng cần có quy định riêng về cạnh tranh của các tổ chức có hoạt động ngân hàng. Sau đó, Ngân hàng Nhà nước cần khẩn trương xây dựng hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành các quy định của Luật các TCTD về cạnh tranh của các tổ chức có hoạt động ngân hàng. Bổ sung hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh trong Nghị định 202/2004/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng...

(Tiếp theo trang 6 – Một vài ý kiến về ...)

ngữ vốn pháp định thay vì phải sử dụng thuật ngữ vốn điều lệ. Cũng như các tổ chức có cung ứng dịch vụ ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước có vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Sự nhầm lẫn này cũng còn thể hiện tại Điều 28 của Dự thảo.

Điều 48 Dự thảo đề cập tới tiền lương, tiền thưởng và phụ cấp của cán bộ nhân viên Ngân hàng Nhà nước, đề nghị thu nhập của họ tính trên thu nhập bình quân của cán bộ, nhân viên ngân hàng thương mại có hiệu quả hoạt động tốt nhất. Chúng tôi cho rằng, cần phải hết sức thận trọng với đề xuất này. Vẫn biết rằng hiện nay nhiều cán bộ, chuyên viên Ngân hàng Nhà nước nghỉ việc tại Ngân hàng Nhà nước và chuyển sang làm việc tại hệ thống các tổ chức tín dụng. Đây là hiện tượng hoàn toàn có thể lý giải được không chỉ đối với Ngân hàng Nhà nước mà còn tại các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước

trong điều kiện phát triển kinh tế giai đoạn hiện nay. Việc lấy cơ sở là thu nhập của ngân hàng thương mại có hiệu quả tốt nhất cũng không có cơ sở vì hoạt động của ngân hàng thương mại tốt nhất chưa phản ánh được đầy đủ kết quả hoạt động quản lý và thực hiện chức năng ngân hàng trung ương của Ngân hàng Nhà nước.

Thứ sáu, về vi phạm và xử lý vi phạm

Luật Ngân hàng Nhà nước là văn bản pháp luật quan trọng, có hiệu lực pháp lý cao. Vì vậy, để đảm bảo tính tôn nghiêm của pháp luật, chúng tôi đề nghị chương 7 thay vì qui định khen thưởng và xử lý vi phạm, Luật chỉ nên qui định về các loại hành vi vi phạm, xử lý vi phạm. Nên chăng Luật liệt kê các loại vi phạm và xử lý vi phạm hiện đang được ghi nhận tại các văn bản dưới luật (mà cụ thể là nghị định về xử lý vi phạm) để dễ dàng trong việc nhận diện và thống nhất trong quá trình áp dụng.